

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09/01/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Bà Trần Thị Phận

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Định - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 09 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 208/2023/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 2001 (đề nghị mặt); địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Đức T1**, sinh năm 1991 (vắng mặt); địa chỉ: Tổ F, ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/7/2023, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 05/12/2023, lời trình bày trong biên bản về việc không kiểm tra giao nộp, tiếp cận nguyên đơn chị **Trần Thị Thanh T** trình bày: Vào năm 2019, chị và anh Nguyễn Đức T1 qua tìm hiểu, tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Thuận vào ngày 26/8/2020. Trong ngày cưới, anh T1 có tặng chị 05 chỉ vàng 24K, hiện số nữ trang này anh T1 đã bán tiêu xài không còn. Sau khi kết hôn, thời gian

đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng tính tình không hòa hợp do bất đồng quan điểm, không thể hiểu nhau. Anh T1 không phụ giúp gia đình, thương xuyên đi nhậu và đánh chị nhiều lần, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài và tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2023 cho đến nay.

Vợ chồng không có con chung. Trong thời gian chung sống vợ chồng không tạo ra tài sản chung và không có nợ chung.

Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Tân giải quyết:

Về hôn nhân: Được ly hôn với anh T1. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do bận đi làm ở xa nên chị đề nghị được vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Trần Thị Thanh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1, anh T1 có nơi đăng ký thường trú thuộc huyện B, nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh T1 đã được triệu tập họp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 22/12/2023, ngày 09/01/2024 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc vì trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh T1 là đúng quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét chị T và anh T1 qua tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét sau khi kết hôn, giữa chị T và anh T1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, việc sống chung không có hạnh phúc. Anh T1 không quan tâm chăm sóc gia đình. Theo trình bày của chị T, anh T1 thường đánh chị nhiều lần nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người làm chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Từ lúc ly thân đến khi Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của chị T thì anh T1 không còn quan tâm và không muốn hàn gắn, việc tiếp tục sống chung đã không thể kéo dài, vì vậy việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung và tài sản chung: Chị T xác định không có và không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thanh T uýnh phải nộp 300.000đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Đức T1.

2. Về con chung và tài sản chung: Không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trần Thị Thanh T phải nộp án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*); số tiền án phí phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0013168 ngày 30/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã Mỹ Thuận
(h. Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long)
- Lưu: 04.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Mười Hai

